

quả mà đang có xu hướng tăng lên, trở thành vấn đề bức xúc trong xã hội.

Chính phủ khẳng định đây là cuộc đấu tranh lâu dài và thường xuyên của tất cả các ngành, các cấp, của các tổ chức xã hội và của mỗi gia đình. Trước mắt, cần củng cố hệ thống tổ chức chỉ đạo, tăng cường lực lượng phòng chống ma túy, đặc biệt là ở địa phương; bảo đảm kinh phí cho công tác phòng chống ma túy; Bộ Công an phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan tập trung lực lượng, mở đợt tấn công truy quét tội phạm ma túy từ nay đến hết năm 1999, tạo đà cho công tác này trong những năm sau; Ủy ban Quốc gia phòng chống ma túy phối hợp với các địa phương liên quan tiến hành kiểm tra và xử lý triệt để số diện tích còn trồng cây thuốc phiện, gần việc triệt phá cây thuốc phiện với việc chuyển đổi cây trồng và phát triển sản xuất, đảm bảo đời sống đồng bào; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu chính sách đồng bộ từ cai nghiện, dạy nghề đến giải quyết việc làm và phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng hai Trung tâm cai nghiện khu vực; Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hải quan dự thảo Quy chế phối hợp quản lý biên giới nhằm ngăn chặn ma túy từ ngoài vào, đồng thời tăng cường sự hợp tác quốc tế, trước hết là phối hợp chặt chẽ với các nước láng giềng trong công tác phòng chống ma túy.

6. Chính phủ đã nghe Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo về tình hình phòng chống và khắc phục hậu quả bão lụt ở miền Trung. Chính phủ yêu cầu lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục nắm chắc tình hình, trực tiếp chỉ đạo giúp dân khẩn trương khắc phục các thiệt hại về người và tài sản, nhanh chóng ổn định đời sống và sản xuất, đồng thời nghiên cứu các giải pháp lâu dài để phòng, chống thiên tai một cách có hiệu quả./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHÁI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 225/1998/QĐ-TTg ngày 20/11/1998
về việc ban hành Quy chế công khai
tài chính đối với ngân sách nhà nước
các cấp, các đơn vị dự toán ngân
sách, các doanh nghiệp nhà nước
và các quỹ có nguồn thu từ các
khoản đóng góp của nhân dân.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 02 năm 1998;

Để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan, đoàn thể, các tổ chức xã hội và nhân dân trong việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước, các khoản đóng góp của nhân dân, thực hiện sự công bằng trong phân phối thu nhập, góp phần thực hiện chính sách tiết kiệm, chống lãng phí, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm chế độ quản lý tài chính, tạo điều kiện để đánh giá đúng kết quả hoạt động tài chính của các tổ chức, các cơ quan, đơn vị;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách, các doanh nghiệp nhà nước và các quỹ có nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước, Chủ tài khoản, Trưởng ban quản lý các quỹ có nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUY CHẾ công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách, các doanh nghiệp nhà nước và các quỹ có nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân

(ban hành kèm theo Quyết định số 225/1998/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 1998).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích công khai tài chính.

Công khai tài chính là biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức nhà nước, tập thể người lao động và nhân dân trong việc thực hiện quyền kiểm tra, giám sát quá trình quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước; huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Pháp lệnh Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 2. Nguyên tắc công khai tài chính.

Việc công khai tài chính phải đảm bảo cung

cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin tài chính công khai phù hợp với từng đối tượng tiếp nhận thông tin thông qua những hình thức quy định trong Quy chế này.

Việc gửi các báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính của các đơn vị dự toán, các doanh nghiệp nhà nước và các quỹ được thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ báo cáo tài chính và kế toán.

Điều 3. Đối tượng và phạm vi áp dụng công khai tài chính.

1. Ngân sách nhà nước các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước và các quỹ được các cấp chính quyền cho phép thành lập theo quy định của pháp luật, có nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân phải thực hiện công khai tài chính theo các quy định của Quy chế này.

2. Đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang, các tổ chức của Đảng và các đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý hàng dự trữ quốc gia, việc công khai tài chính được thực hiện như sau:

a) Những khoản thu, chi trong hoạt động thường xuyên của cơ quan, tổ chức phải được công khai trong nội bộ cơ quan, tổ chức theo những quy định của Quy chế này.

b) Không công khai những thông tin sau:

- Số liệu về tài sản chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh; các số liệu dự toán, cấp phát, quyết toán chi ngân sách nhà nước cho việc phòng thủ đất nước, quốc phòng và an ninh quốc gia;

- Số liệu về dự trữ tài chính quốc gia, về các khoản chi để mua những mặt hàng dự trữ quốc gia.

Điều 4. Hình thức công khai tài chính.

Tùy theo nội dung, tính chất của từng loại thông tin và đối tượng tiếp nhận thông tin, việc công khai tài chính có thể thực hiện thông qua những hình thức sau:

1. Trực tiếp báo cáo trong các kỳ họp thường niên của cơ quan, tổ chức;

2. Phát hành ấn phẩm;
3. Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức;
4. Thông báo bằng văn bản.

Chương II

CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 5. Công khai số liệu dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội quyết định, phê chuẩn và công khai số liệu dự toán, quyết toán của các cơ quan Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được giao, phê chuẩn.

Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố công khai các nội dung sau:

1. Tổng dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm và nguồn bù đắp bội chi đã được Quốc hội quyết định, phê chuẩn. Trong đó, công bố chi tiết cho một số lĩnh vực chủ yếu gồm: Chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp giáo dục đào tạo, sự nghiệp y tế, sự nghiệp văn hóa, thể thao và các chương trình mục tiêu quốc gia.

Việc công khai các thông tin nêu trên được thực hiện bằng hình thức phát hành ấn phẩm.

2. Tổng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ giao và tổng quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của các đơn vị này đã được Bộ Tài chính xét duyệt, trừ các số liệu không được phép công bố công khai theo quy định hiện hành.

Việc công khai các thông tin nêu trên được thực hiện bằng hình thức phát hành ấn phẩm và thông báo bằng văn bản cho các Bộ, cơ quan Trung ương.

3. Tổng dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ giao; tỷ lệ phân chia các nguồn thu, số bổ sung từ ngân sách Trung ương, các khoản kinh phí ủy quyền của ngân sách Trung ương (nếu có).

Việc công khai các thông tin nêu trên được thực hiện bằng hình thức phát hành ấn phẩm và thông báo bằng văn bản cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 6. Công khai dự toán, quyết toán ngân sách của các cấp chính quyền địa phương.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp công bố công khai các nội dung sau:

1. Tổng dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, phê chuẩn. Dự toán chi ngân sách địa phương được chi tiết theo một số lĩnh vực chủ yếu gồm: Chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp giáo dục đào tạo, sự nghiệp y tế, sự nghiệp văn hóa, thể thao.

Việc công khai các thông tin nêu trên được thực hiện bằng hình thức phát hành ấn phẩm và trực tiếp báo cáo trong các kỳ họp thường niên của Hội đồng nhân dân các cấp.

Riêng dự toán, báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã, phường, thị trấn đã được Hội đồng nhân dân quyết định, phê chuẩn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải công bố công khai chi tiết đến từng lĩnh vực thu, chi ngân sách; số bổ sung từ ngân sách cấp trên (nếu có) tới toàn thể nhân dân trên địa bàn bằng các hình thức như: niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và trong các kỳ họp thường niên của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn.

2. Tổng dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình đã được giao, xét duyệt.

Việc công khai các thông tin nêu trên được thực hiện với hình thức thông báo bằng văn bản cho các cơ quan, đơn vị.

3. Tổng dự toán thu, chi ngân sách, tỷ lệ phân chia các nguồn thu, số bổ sung, tổng các nguồn kinh phí ủy quyền (nếu có) của chính quyền cấp dưới đã được giao, phê chuẩn.

Việc công khai được thực hiện với hình thức

thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân các cấp trực thuộc.

Điều 7. Thời điểm công khai ngân sách nhà nước.

Sau khi được cấp có thẩm quyền giao, quyết định đối với dự toán và xét duyệt, phê chuẩn đối với quyết toán, những nội dung quy định tại Điều 5, Điều 6 của Quy chế này phải được công khai chậm nhất là:

- 60 ngày đối với hình thức công khai phát hành ấn phẩm,
- 30 ngày đối với hình thức thông báo bằng văn bản,
- 15 ngày đối với hình thức niêm yết công khai,
- Ngay trong thời gian diễn ra kỳ họp đối với hình thức báo cáo công khai trong kỳ họp của Hội đồng nhân dân các cấp.

Chương III

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 8. Công khai việc phân bổ và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với các đơn vị dự toán ngân sách nhà nước.

1. Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước công bố công khai trong nội bộ đơn vị về dự toán, quyết toán ngân sách hàng năm của đơn vị đã được giao, xét duyệt. Nội dung công khai số liệu dự toán, quyết toán kinh phí ngân sách được chi tiết đến từng mục thu, chi theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán ngân sách cấp trên thông báo cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc về những nội dung sau:

a) Tổng dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm, kể cả phần dự toán điều chỉnh giảm hoặc bổ sung trong năm (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền giao, xét duyệt cho đơn vị. Trong đó, chi tiết một số nội dung chi sau: chi

tiền lương; chi công tác phí; hội nghị phí; chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; chi sửa chữa, cải tạo trụ sở; chi đầu tư xây dựng cơ bản.

b) Tổng dự toán, kể cả phần dự toán điều chỉnh giảm hoặc bổ sung trong năm (nếu có) và tổng quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc đã được giao, xét duyệt. Trong đó, chi tiết một số nội dung chi sau: Chi tiền lương; chi công tác phí; hội nghị phí; chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; chi sửa chữa, cải tạo trụ sở; chi đầu tư xây dựng cơ bản.

3. Việc công khai những nội dung theo quy định tại các khoản 1, 2 của Điều này được thực hiện theo các hình thức: phát hành ấn phẩm, thông báo bằng văn bản cho đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc, niêm yết tại đơn vị, công bố trong các hội nghị cán bộ, công chức của đơn vị.

4. Sau khi được cấp có thẩm quyền giao, xét duyệt dự toán, quyết toán hoặc số điều chỉnh, bổ sung kinh phí ngân sách, những nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3 của Điều này phải được công khai chậm nhất là:

- 60 ngày đối với hình thức phát hành ấn phẩm công khai,
- 30 ngày đối với hình thức thông báo bằng văn bản,
- 15 ngày đối với hình thức niêm yết công khai,
- 5 ngày đối với hình thức báo cáo công khai trong kỳ họp của đơn vị.

Điều 9. Công khai việc thu và sử dụng các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân.

Hàng năm, Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách có nguồn thu từ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân phải công khai cho người đóng góp biết rõ mục đích huy động, mức đóng góp và việc sử dụng các nguồn huy động đó.

Việc công khai những thông tin nêu trên được thực hiện bằng các hình thức: niêm yết tại trụ sở cơ quan, tổ chức họp với các tổ chức và nhân dân tham gia đóng góp để thông báo trực tiếp.

*Chương IV***CÔNG KHAI TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI
CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC****Điều 10.** Nội dung công khai tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước (đối với các doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị) công bố công khai các nội dung sau:

1. Tình hình vốn, tài sản và tài chính của doanh nghiệp;
2. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
3. Việc trích, lập và sử dụng các quỹ trong doanh nghiệp;
4. Các khoản thu nhập và thu nhập bình quân của người lao động.

Điều 11. Hình thức và thời điểm công khai tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước.

Việc công khai những nội dung quy định tại Điều 10 được thực hiện theo các hình thức: phát hành ấn phẩm, niêm yết tại doanh nghiệp, công bố trong các hội nghị cán bộ, công nhân, viên chức của doanh nghiệp.

Thời gian công khai tài chính được thực hiện định kỳ theo quý, năm. Thời điểm công khai tài chính chậm nhất, kể từ ngày cuối cùng của quý, năm, là:

- 60 ngày đối với hình thức phát hành ấn phẩm công khai,
- 30 ngày đối với hình thức niêm yết công khai,
- 15 ngày đối với hình thức báo cáo công khai trong kỳ họp của doanh nghiệp.

*Chương V***CÔNG KHAI TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC QUỸ
CÓ NGUỒN THU TỪ CÁC KHOẢN
ĐÓNG GÓP CỦA NHÂN DÂN****Điều 12.** Nội dung và hình thức công khai tài

chính đối với các quỹ có nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân.

Chủ tài khoản hoặc Trưởng ban quản lý các quỹ công bố công khai các nội dung sau:

1. Mục đích hoạt động và mục đích sử dụng các nguồn thu của quỹ;
2. Đối tượng và hình thức huy động;
3. Các mức huy động;
4. Quy chế hoạt động của quỹ, các điều kiện, tiêu chuẩn, quyền lợi và nghĩa vụ của người được hưởng quỹ;
5. Kết quả sử dụng quỹ trong kỳ cho các mục đích;
6. Báo cáo quyết toán năm, quyết toán theo từng nội dung chi (nếu có) và báo cáo kết quả tài chính của quỹ.

Điều 13. Nội dung công khai tài chính đối với các quỹ có sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng tại các xã, thị trấn.

Ngoài những nội dung công khai quy định tại Điều 12 Quy chế này, đối với từng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng có sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân, các quỹ còn phải công bố công khai những nội dung sau:

1. Tổng dự toán cho từng công trình theo kế hoạch đầu tư được duyệt;
2. Các nguồn vốn đầu tư cho công trình, trong đó cụ thể nguồn vốn huy động đóng góp của nhân dân;
3. Các mức huy động đối với từng đối tượng, cụ thể (tính chung cho cả năm và phải tách riêng mức đóng góp cho từng công trình); thời gian huy động;
4. Đối với các công trình xây dựng cơ bản tổ chức đấu thầu theo Quy chế đấu thầu hiện hành, phải công khai kết quả đấu thầu như: Số người tham gia đấu thầu, các giá bỏ thầu, tổ chức hoặc cá nhân thắng thầu, giá thắng thầu;

5. Kết quả nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình, quyết toán công trình.

Điều 14. Hình thức và thời điểm công khai tài chính các quỹ có nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân.

a) Việc công khai tài chính quy định tại Điều 12, Điều 13 của Quy chế này được thực hiện bằng các hình thức: niêm yết công khai tại trụ sở quỹ, công bố trong các kỳ họp trực tiếp với các đối tượng đóng góp cho quỹ.

b) Thời điểm công khai:

- Chủ trương, mục đích thành lập quỹ được công khai khi vận động đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân.

- Các nội dung công khai mang tính kế hoạch, các mức huy động, các tiêu chuẩn của người được hưởng quỹ và những thay đổi về các nội dung đó (nếu có) phải được công khai trước khi thực hiện ít nhất là 15 ngày.

- Các nội dung công khai về quá trình thực hiện, kết quả sử dụng quỹ phải được công khai hàng năm, chậm nhất là vào ngày 15 tháng 2 năm sau.

- Đối với các quỹ có sử dụng nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, ngoài việc công khai hàng năm còn phải công khai quyết toán từng công trình có chi tiết đến hạng mục công trình chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quyết toán công trình được duyệt.

Điều 15. Trả lời chất vấn.

1. Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được tiếp nhận thông tin công khai tài chính theo các quy định của Quy chế này có quyền chất vấn đơn vị, tổ chức công bố công khai về các nội dung công khai tài chính.

2. Người có trách nhiệm thực hiện công khai tài chính theo các quy định của Quy chế này phải trả lời chất vấn về các nội dung công khai tài chính.

3. Các chất vấn phải được trả lời cho người chất vấn chậm nhất sau 5 ngày kể từ ngày tiếp nhận nội dung chất vấn. Trường hợp nội dung chất vấn phức tạp, cần nhiều thời gian để chuẩn bị trả lời thì phải hẹn lại ngày trả lời cụ thể cho người chất vấn nhưng không được quá 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận nội dung chất vấn.

4. Nội dung các chất vấn và trả lời chất vấn phải được công khai cùng với những nội dung công khai tài chính khác tới những đối tượng tiếp nhận thông tin công khai vào những thời điểm và bằng các hình thức công khai theo quy định của Quy chế này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 227/1998/QĐ-TTg ngày 23/11/1998
về việc thành lập Sở Thủy sản tỉnh
Tiền Giang.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, Bộ trưởng Bộ Thủy sản, Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Sở Thủy sản trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Sở Thủy sản là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về thủy sản trên địa bàn tỉnh.